

Số: /QĐ-UBND

Cẩm Mỹ, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu dự toán  
ngân sách nhà nước 12 tháng năm 2024 của huyện Cẩm Mỹ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách huyện và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của huyện Cẩm Mỹ năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 (đợt 1) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 13/9/2024 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 (đợt 2) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 (đợt 3) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

Căn cứ Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 (đợt 1) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

*Căn cứ Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 (đợt 2) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;*

*Căn cứ Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 (đợt 3) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Cẩm Mỹ tại Tờ trình số 02/TTr-TCKH ngày 06/01/2025 về việc công khai dự toán ngân sách 12 tháng năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước 12 tháng năm 2024 của huyện Cẩm Mỹ.

*(Đính kèm theo phụ biểu)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Phòng, Ban, Ngành, Đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Huyện ủy (bc);
- Chủ tịch, PCT.UBH;
- Phòng TC-KH;
- Chánh, phó VP.UBH;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, PPLT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Tấn Thìn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ****CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 12 THÁNG NĂM 2024***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /1/2025 của UBND huyện)*

Đơn vị:

Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 12 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>174.500</b>	<b>215.418</b>	<b>123,45</b>	<b>117,47</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>174.500</b>	<b>215.418</b>	<b>123,45</b>	<b>117,47</b>
1	Thu nội địa	174.500	215.418	123,45	117,47
2	Thu viện trợ			-	-
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>			-	-
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>1.024.524</b>	<b>1.088.417</b>	<b>106,24</b>	<b>101,73</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>1.024.524</b>	<b>1.088.417</b>	<b>106,24</b>	<b>101,73</b>
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi đầu tư phát triển	285.224	364.785	127,89	89,25
2	Chi thường xuyên	697.928	723.632	103,68	109,45
3	Dự phòng ngân sách	20.500		0,00	-
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>		<b>0</b>	-	-

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN CẨM MỸ**

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 12 THÁNG NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /1/2025 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu  
đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 12 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>174.500</b>	<b>215.418</b>	<b>123,45</b>	<b>117,47</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>174.500</b>	<b>215.418</b>	<b>123,45</b>	<b>117,47</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			-	-
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			-	-
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	35.000	44.423	126,92	100,42
4	Thuế thu nhập cá nhân	45.000	42.328	94,06	97,31
5	Thuế bảo vệ môi trường			-	-
6	Lệ phí trước bạ	32.000	29.277	91,49	101,83
7	Thu phí, lệ phí	4.500	4.917	109,27	125,64
8	Các khoản thu về nhà, đất	51.000	82.727	162,21	159,27
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>			-	-
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	1.000	1.585	158,50	91,69
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	50.000	80.670	161,34	160,94
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>		472	-	524,44
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>			-	-
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản			-	0,00
10	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác			-	-
11	Thu ngân sách khác	7.000	11.746	167,80	106,48
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>			-	-
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC</b>			<b>101,05</b>	<b>100,23</b>

	<b>HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>78.865</b>	<b>79.692</b>		
1	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	38.930	36.689	94,24	99,84
2	Từ các khoản thu phân chia	39.935	43.003	107,68	100,56

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ**

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 12 THÁNG NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /1/2025 của UBND huyện)

Đơn vị: triệu  
đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 12 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NSNN HUYỆN</b>	<b>1.024.524</b>	<b>1.088.417</b>	<b>106,24</b>	<b>101,73</b>
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>1.024.524</b>	<b>1.088.417</b>	<b>106,24</b>	<b>101,73</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>285.224</b>	<b>364.785</b>	<b>127,89</b>	<b>89,25</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	285.224	358.285	125,62	88,96
2	Chi đầu tư phát triển khác		6.500	-	108,33
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>697.928</b>	<b>723.632</b>	<b>103,68</b>	<b>109,45</b>
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	378.255	418.669	110,68	124,66
2	Chi khoa học và công nghệ			-	-
3	Chi y tế, dân số và gia đình	4.400			
4	Chi Văn hoá thông tin	5.965	6.496	108,90	119,46
5	Chi phát thanh, truyền hình	387	334	86,30	97,13
6	Chi thể dục thể thao	2.435	2.460	101,04	177,25
7	Chi bảo vệ môi trường	21.050	10.044	47,71	60,71
8	Chi hoạt động kinh tế	62.669	35.268	56,28	52,51
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	141.790	146.730	103,48	107,67
10	Chi bảo đảm xã hội	40.022	53.386	133,39	98,50
11	Chi khác	589	508	86,28	88,71
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>20.500</b>			-
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>			-	-
1	Chương trình mục tiêu quốc gia			-	-
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư			-	-
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên			-	-